



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: 039093

LOI#:

I-171#: Y NO

EXIT VISA#:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN DI NH NGHI
Last Middle First

Current Address: 218/4-A Huynh Van Banh P 11 Phu Nhuan Hochi Minh City Viet Nam And

63/15 Le van Sy P 13 Phu Nhuan Hochi Minh City VN
Date of Birth: 01/01/1924 Place of Birth: Quang Binh Viet Nam

Previous Occupation (before 1975) lieutenant colonel, Vietnam Army
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 6/15/75 To 1/9/81
Years: 5 Months: 7 Days:

3. SPONSOR'S NAME: Families of Vietnamese Political Prisoners Association

Name

P.O.Box 5435, VA 22205-0635 tel

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

10/ Nguyen Thi Thanh Minh Metairie, LA 70001 Tel Daughter

→ certificate of naturalization # 12613252
delivered at the US Court Eastern district of Louisiana
New Orleans LA on October 23, 1985
(Ref: Alien registration # A21 482773)

20/ Bao dinh Do Millitas CA 95035 cousin

(Home)
(Bus)

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 04/16/90

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Nguyen Dinh Nghi
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Do Thi Kim Thoa	00 00 33	Wife
Nguyen Do Nhan	10 17 58	son
Do Dinh Duc	10 20 62	son
Do Thi Thanh Nga	10 22 66	daughter
Nguyen Thi Hong Oanh	11 15 53	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)



Family is residing in 2 (two) different addresses as mentioned above.

1/ Applicant address:

Nguyen Dinh Nghi
218/4A Huynh van Bang P 11 Phunhuan
Ho Chi Minh City, VN.

6. ADDITIONAL INFORMATION :

2/ Dependents address:

63/15 Le van Sy P13 Phunhuan, Ho Chi Minh City
VN.

GENERAL ASSOCIATION OF
FORMER POLITICAL PRISONERS OF VIETNAMESE COMMUNIST

Tổng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị Cộng Sản Việt Nam

P.O. BOX 1953, GARDEN GROVE, CA 92642 - TEL:

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM

Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị

(Two Copies)

IV. # 039093
VEWL. # _____
F171: _____ Y _____ N _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education Camp in Viet Nam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các Trại Cải Tạo ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chứng trình ra đi có trật tự.)

A. GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name (Family name, middle, first): NGUYEN - DINH - NGHI
(Họ và tên theo thủ tự Việt Nam)
2. Sex: Male DOB: Jan / 01 / 1924 Place of Birth: Quang-Trach (Quang-Binh)
(Phái) (Ngày sinh) (Nơi sinh)
3. Last position/Rank, Agency/Unit: Lieutenant-Colonel / 4-Party, and 2 Party JOINT-MI-
(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng) LITARY Commission-Zone 6-Mỹ-tho

B. ARREST

(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest: June 15, 1975 - TOVAP (Gia-dinh/ Saigon)
(Ngày nổi trình diện/bị bắt giữ)
2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: Long-Binh, Suoi-Mau, Camps No 6, No 5, No 8
(Tên, địa điểm các trại giam) (Yen-Bay- N.VN)-Vinh-Quang (Vinh-Phu-NVN)
3. Date of release or still in camps: _____
(Ngày được thả hay còn bị giam) Released: Jan. 09, 1981

C. FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

Married, with 4 alive children: (Spouse: DO-thi KIM-THOA)

1. Married or single: _____ - Daughter: Nguyen thi Thanh-Minh (USA)
(Cố gia đình hay độc thân) - Son: Nguyen Do-Nhan (Vnam)
- Son: Do-dinh-Duc (Vnam)
2. If married, please complete names of Spouse & Children: _____
(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con) - Daughter: Do-thi Thanh-Nga (Vnam)

3. Address of family: 218/4-A, Duynh-van-Banh, - P.11-PHU-NHUAN (Hochiminh City)
(Địa chỉ gia đình) or-53/15, Le-van-Sy - P.13 - PHU-NHUAN (Hochiminh City)

D. APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: THANH MINH THI NGUYEN Occupation: WAITRESSES
(Họ và tên) (Nghề nghiệp)
2. Address and phone number: _____
(Địa chỉ và điện thoại) TEL: 7000

3. Relationship with detainee: DAUGHTER
(Liên hệ với tù nhân cải tạo)
4. Status in U.S.A.: _____ Permanent Resident ☒ U.S. Citizen ☒
(Tình trạng cư trú)
5. Are you willing to sponsor the above detainee (if released)
(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đương sự không?) Yes ☒ No ☐

Date: 12-18-89
(Ngày, tháng, năm)

Thanh Minh Thi Nguyen
Signature of Applicant
(Chữ ký của người đứng đơn)
(Certificate of Release)

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTC, ban hành theo quyết định 2565 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Trại Vĩnh Quế

Số 421 GRT

Số HSH 0016.78.0605-2

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BGA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 66 ngày 9 tháng 12 năm 80

của Bộ Nội Vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nguyễn Đình Nghi

Họ, tên thường gọi N. Đình

Họ, tên bí danh

Sinh ngày ... tháng ... năm ...

Nơi sinh Quảng Trị, Quảng Bình

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

Tr. 421 Nguyễn Đình Nghi được phả nhận, thành phố Hồ Chí Minh

Cán bộ

Bị bắt ngày trích điện 10/5/77 An phần ...

Theo quyết định, án văn số ... ngày ... tháng ... năm 72 của Bộ Nội vụ

Đã bị tăng án ... lần, công thành ... năm ... tháng ...

Đã được giảm án ... lần, công thành ... năm ... tháng ...

Nay về cư trú tại 215/4A Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, TP. Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Tốt loại 1 theo quy định của Bộ Nội vụ

Gần 10 năm cải tạo tích cực vào đoàn thể chính sách của Đảng

và chính phủ, chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật

Lao động tích cực ngày càng vững mạnh

Được tập thể khen thưởng

Hội cựu chiến binh phân cơ quan chấp hành

xếp loại cải tạo 1 trung bình

Lần tay nộp trả phả

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 9 tháng 1 năm 1981

Giám thị

Của Nguyễn Đình Nghi

Danh lần số 10645

Lớp tại ...

Nguyễn Đình Nghi

Tr. 421 Nguyễn Đình Nghi

A SUMMARY TRANSLATION FROM A VIETNAMESE
EXTRACT FROM BIRTH REGISTRATION RECORDS

The following is a summary translation from a
Birth Registration Document in Vietnamese language:

Name of child : NGUYEN DINH NGHI
Sex : Male
Date of birth : 01/01/24
Place of birth : Phap Ke, Quang Binh
Name of father : Nguyen Van Su
Name of mother : Nguyen Thi Trach
Registration # : 630-HT
Date issued : Oct. 30, 1973
Place issued : My Tho, VietNam



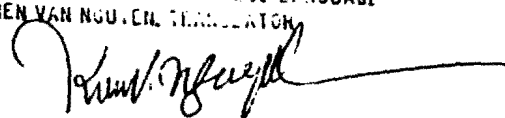
Today comes Kien Van Nguyen, a qualified translator,
who states that the above information is a true and
correct extract translation to the best of his ability
and knowledge.

SWORN TO AND SUBSCRIBED BEFORE

ME THIS 27 DAY OF Jan 1983


J. HUNTER BIENVENU
NOTARY PUBLIC

CERTIFIED A TRUE AND CORRECT TRANSLATION
FROM THE DOCUMENT IN VIETNAMESE LANGUAGE
KIEN VAN NGUYEN, TRANSLATOR



(1) Ngày **3-10-1973**

Giấy thể-vi **Khai-sanh**

cho **Nguyễn-Dinh-Nghi**

(1) Số **630/M**

TRÍCH LỤC VĂN BẢN VÀ NỘI DUNG LƯU-TRỮ TẠI PHÒNG LỤC-SỰ

TÒA SƠ-THẨM **Dịnh-Tướng**

Một bản chính giấy thể vi **Khai-sanh**

cấp cho **Nguyễn-Dinh-Nghi**

do Ông. **Nguyễn-Ông-Chung** Chánh-Án Tòa **Dịnh-Tướng**

với tư-cách Thẩm-Phán Hoa-Giải, cấp ngày **3-10-1973**

và đã trước-bạ ;

TRÌNH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Dịnh ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1942 và sau khi tuyên-mệ, quả-quyết và bác chặc rằng :

- **Nguyễn-Dinh-Nghi**, nam, sinh ngày **1-1-1924** tại làng **Pháp-Kê, Phú-Quảng-Trạch, tỉnh Quảng-Bình, Trung-Phần**, con của **Nguyễn-văn-Sử(c)** và **Nguyễn-thị-Trạch(c)** ./

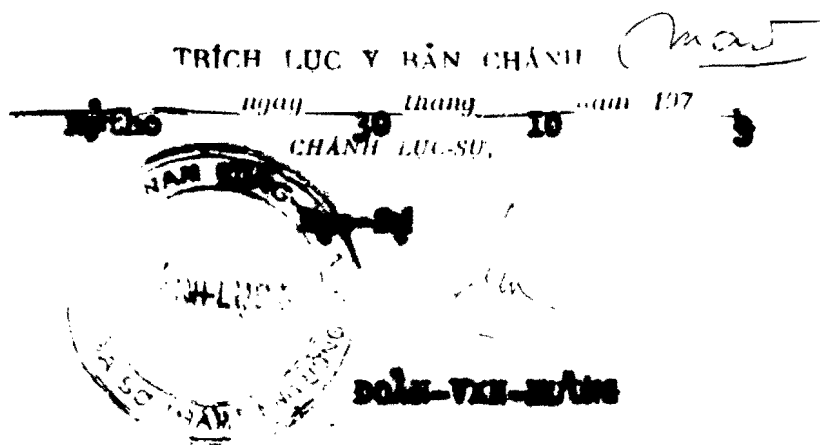
TRÍCH LỤC VĂN BẢN CHÍNH

ngày **30** tháng **10** năm **1973**

CHÁNH LỤC-SỰ,

Lập p' i

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.



Đoàn-văn-mưu

PACIFIC ARCHITECTS & ENGINEERS, INC.

APO San Francisco 96393

ICCS-31-7

31 tháng 7 năm 1974

KÍNH GỬI: Giám-Thi và Toàn-Thể Nhân-Viên
Công-Trưởng Yem-Trở UBOTKS/GS, An Lộc
Dự-An Yem-Trở UBOTKS/GS Vũng V, Biên Hoà

QUA: Quan-Đốc Vũng
UBOTKS/GS Vũng V, Biên Hoà

DE MỤC: Thư Ngồi Khen

Thưa Ông Nghi:

Theo kết quả việc tuyển chọn của vị Quan-Đốc Vũng V, Biên Hoà thi công trưởng An Lộc, dưới quyền điều hành của ông, đã được chọn là công trưởng xuất sắc nhất trong tháng 6 năm 1974 tại Vũng V, Biên Hoà. Kết quả này đã nói lên những thành quả tốt đẹp và sự tận tâm làm việc của ông và các nhân viên thuộc công trưởng.

Nhận dịp này, tôi xin ông và các nhân viên thuộc công trưởng nhận nói đây những lời cảm kích chân thành nhất của tôi đối với những nỗ lực mà ông đã tạo được.

Xin ông vui lòng báo cho mỗi nhân viên trực thuộc rõ thư ngồi khen này sẽ được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của họ.

Thân ái,

JOHN P. MOORE, 1
Giám-Đốc Dự-An Yem-Trở
UBOTKS/GS

GLC/dtr

SECTION 7 of QUESTIONNAIRE

MILITARY BACKGROUND FROM 1956 TO APRIL 30-1975

VIETNAM ARMED-FORCES

- 1956 - 1957: Captain, Battalion Commander (Battalion 589)
- 1957 - 1958: Chief Sector Headquarters LONG-KHANH
- 1958 - 1960: Security Deputy Province Chief and Chief Sector Hq GIA-DINH
- 1960 - 1963: Major Chief/Military Security Dept. 2nd Strategic Zone PLEIKU
- 1963 - 1965: Inspector Division 5BB (32nd Strategic Region) 3rd Strat. Zone
- 1965 - 1966: Deputy Commander Regiments 9/Division 5BB, simultaneously ,
Chief Battalion 4/9 PHUOC-LONG Sector.
- 1966 - 1968: Chief of Training/Military Support for Rural Reconstruction/
Rural Pacification Program/Division 5BB, 32nd Strategic Reg.
- 1968 : Commander/Tactical Air-Zone (US Air-Forces Base of VING-LONG)
- 1969 : Deputy Commander Regiment IIBB, Concurrently Special Operation
Deputy Chief Division 7BB.
- 1969 - 1970: Chief of Staff/Assistant Chief Sector RACH-GIA (4th Strategic
Zone).
- 1970 - 1971: Deputy Regiment Commander, Regiment II, Division 7BB, TIEN-GIANG
Strategic Zone.
- 1971 - 1972: Lieutenant-Col.: Security Deputy Chief DONG-TAM, Base/Div. 7BB.
- Jan 1973 to Sept. 1973 : Four Party Joint Military Commission: Chief Admi-
nistration Dept. MY-THO, Zone 6/FPJMC.
- Oct. 1973 to March 1974 : TWO PARTY J.M. COMMISSION: Chief Discussion Meet-
ing Dept. (MYTHO, Zone 6)
- March 1974 to April 1975 : I.C.C.S. Supervisor AN-LOC (BINH-LONG) Zone 5,
BIEN-HOA

CLOSELY ASS. WITH BEST AMERICAN FRIENDS AND COLLABORATORS:

- 1965 - 1966 : Captain REEVES (Material and Supply Division), Chief Advisor
to Battalion 4/9, PHUOC-LONG Sector.
- 1974 - 1975 : DANIEL R. BOWYER, Security Chief, I.C.C.S., Zone 5, BIEN-HOA.

Mr DONALD I. COLIN
 Director
 ORDERLY DEPARTURE PROGRAM
 131 Soi-Tien-Siang
 BANGKOK 12,
 - THAILAND -

Subject : Petition for admission to the United-States and assistance in emigrating to the United-States under the ORDERLY DEPARTURE PROGRAM.

Dear Sir,

In pursuance of the ODP New Criteria (Categories I,II,III), I have the honor to submit to you my case as indicated below for your kind and humanitarian consideration :

- Full name : NGUYEN-DINH-NGHI
- Date and place of birth : Jan 1st 1924 at QUANG-BINH
- Religion : Buddhist - Sex : Male
- Education : Matriculation
- Family status : Married + 5 children

In military service : S.N. : 44/200.865 (From 1956....)
 - Rank : Lieutenant-Col. (Active duty). After April 30th 1975 event, I was in re-educated camps 67 months.

Based on my background, I beg to ask you for assistance in emigrating to the United-States under the ORDERLY DEPARTURE PROGRAM.

I am sending you my enclosed filled-out questionnaire plus documents for kind verification. I hope you will find all the updated information about my family.

I hope that with your humanitarian help towards the world refugees, my case will receive your favorable consideration soon and I and my family will be permitted to immigrate to the United-States in a near future.

As soon as this appeal to your humanity is approved, would you please be so kind to grant me an I.V. File Number and a Letter of Introduction so as to enable me to secure exit permits for my family.

Below is a list of my family members :

Q.O.N.Q	Full name	Date and place of birth	Relationship
1	NGUYEN DINH NGHI	Jan 1st, 1924 QUANG-BINH	Applicant
2	DO THI KIM THOA	1933 HANOI	Wife
3	NGUYEN THI HONG OANH	Nov 15th 1953 HUE	Daughter
4	NGUYEN DO NHAN	Oct. 17th 1958 SAIGON	Son
5	NGUYEN DO DUC	Aug 15th 1962 SAIGON	Son
6	NGUYEN THI THANH NGA	Oct 20th 1966 SAIGON	Daughter

Once I am considered eligible for admission to the United-States, would you please favor me a reply to my home address as follows :

NGUYEN DINH NGHI

181/32 Minh-Mang Street, Phuong II, PHUNHUAN-HOCHIMINH CITY

I also advise you that my daughter will be provided sponsorship for my family. She is now living in the United-States at the following address
 NGUYEN-THI THANH-MINH

HARVEY, L.A. 70.058

Phone :

...../2/.....

While awaiting your reply, I wish to express you my deepest gratitude.

Yours respectfully,

Yours respectfully,

NGUYEN-DINH-NGHI

Enclosures :

- I Filled out questionnaire
- I Photocopy of marriage certificate
- Photocopies of birth certificates
- I Photocopy of reeducated-certificate
- I photocopy of Credential RVN-7
- I Photocopy of ICCS Project Pass No 00I2I2
- I Photocopy of Letter of commendation dated July 31st, 1974
- Personnal pictures : -I in uniform Lieutenant-Col.
-I in civilian (Recently taken)
- 5 Photos of my wife and children.

NGUYEN-DINH-NGHI

I.- Personal characteristics :

-Full name : NGUYEN DINH NGHI
-Date and place of birth : Jan.1 , 1924
at Quang-Binh (now:Binh-tri-Thien Province)
-Military serial No. 44/ 200.865 .
-Rank(before April 1975) : Lieutenant-Colonel (Active duty) .
-Familial status : Married (with, presently in Vietnam, 4 children)
-Home address : 181/32, Minh Mang, Phuong 11,-Phu Nhuan
Hochiminh city .

II.- Military background :(from 1956 to April 1975):Republic VietNam

Armed Forces :

1956-1957 : Captain, Battalion Commander(Battalion 589) ;
1957-1958 : -Chief Sector, LONGKHANH Sector Headquarters;
1958-1960 : -Security Deputy Province-Chief,- and Chief
Sector, GIADINH Sector ;
1960-1963 : Major ,Chief/Milit.Security Dept.2nd.Strategic
Zone, PLEIKU ;
1963-1965 : -Inspector/Division 5.BB(32nd Strategic Regi-
on) 3rd Strategic Zone ;
1965-1966 : -Deputy-Commander Regiment 9/Division 5.BB ,
simultaneously,Chief Battalion 4/9,-
PHUOC-LONG Sector ;
1966-1968 : -Chief of Training/Military Support for Ru-
ral Reconstruction/Rural Pacification
Program/Division 5.BB/32nd Strategic
Region ;
1968 : -Commander/Tactical Air-Zone(U.S.Air Forces
Base /VINH-LONG) ;
1969 : -Deputy-Commander Regiment 11.BB, concurrent-
ly Special Operation Deputy Chief Divi-
sion 7.BB ;
1969-1970 ; -Chief of Staff/Assistant Chief Sector RACH-
GIA (4th Strategic Zone) ;
1970-1971 : -Deputy Regiment Commander, Regiment 11,Divi-
sion 7.BB (Tien Giang Strategic Zone) ;
1971-1972 :Lieutenant-Colonel :-Security Deputy Chief/ ĐÔNG-
TAM Base- Division 7.BB ;
Jan.73-Sept.73: -Four-Party Joint Military Commission:Chief
Administrative Dept.(MY-THO:ZONE 6/FPJMC)
Oct.73-March 74: -Two-Party Joint Military Commission:Chief
Discussion-Meeting Dept.(MY-THO:Zone 6.)
Mar.74-April 1975: -I.C.C.S.Supervisor AN-LOC(BinhLong):Zone 5-
BIEN-HOA .

III.- Close association with American :(Friends and Collaborators);

1965-66 : Captain R.REEVES (Material and Supply Division),
-Chief Advisor to Battalion 4/9- PHUOC LONG
Sector ;
1974-75 : Daniel R. BOWYER , Security Chief-ICCS-Zone 5-BIEN-
HOA .

IV.- Reeducation Camps period :5 years 7 months(From June 15,1975 to
Jan.9. 1981) ,

-In Long Giao Reeduc.camp(South Vietnam)	:	5 months .
- Tam-Hiep Camp	{ - - }	: 4 -
- T-6 Camp YEN-BAY (North -	{ - - }	: 8 -
- T-5 Camp -	{ - - }	: 16 -
- T-8 Camp -	{ - - }	: 8 -
- Vinh-Quang Camp,VINH-PHU(North VN.	{ - - }	: 26 -
TOTAL(South and North VN. }		67 monthss

Signed: Nguyễn Đình Nghi

Nam

NAM PHÂN
South Vietnam
ĐÔ THỊ SAIGON
City of Saigon

TOA HÀNH CHÁNH QUẬN 3
Administrative office of District 3
Số hồ sơ
Number 5441
11/5

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

HỘ - TỊCH
CIVIL STATUS

TRÍCH - LỤC BỐ KHAI SANH

EXTRACT FROM THE BIRTH REGISTRATION RECORDS

Năm một ngàn chín trăm năm mươi tám (1958)
THE YEAR OF 1958

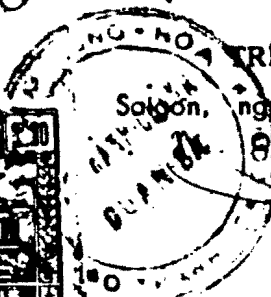
Tên, họ đứa nhỏ. The child's name	Nguyễn Thị Thanh Bình
Phối Sex	Nữ
Ngày sinh. Date of Birth	Mười tám tháng mười năm một Twenty eight October 1956 năm chín trăm năm mươi sáu 28 October 1956
Nơi sinh. Place of Birth	Quận Ba, Saigon District Three - Saigon
Tên, họ người Cha. Father's Name	Nguyễn Đình Nhị
Tuổi His age	-
Nghề-nghiệp. His occupation	-
Nơi cư-ngụ. His domicile	-
Tên, họ người mẹ. Mother's Name	Bồ Thị Kim Thoa
Tuổi Her age	-
Nghề-nghiệp Her occupation	-
Nơi cư-ngụ. Her domicile	-
Vợ chánh hay thứ The wife's rank	-

CERTIFIED A TRUE AND CORRECT TRANSLATION
FROM THE DOCUMENT IN VIETNAMESE LANGUAGE
KIEN VAN NGUYEN, TRANSLATOR

Phạm Văn Nguyên

1965

Lập tại Saigon, ngày 21 tháng 6 năm 1965
Established at Saigon on 21 June 1965



TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÍNH :

Số, ngày 21 tháng 6 năm 1965

QUẢN-TRƯỞNG QUẬN
H. H. H.

Tỉnh _____
 Quận _____
 Làng, Phường _____

GIAY KHAI-SANH

Số hiệu 47

Tên họ người con mới sinh :	Nguyễn-thị-hồng-Oanh
Quốc-tịch:	Việt-Nam
con trai hay con gái:	con gái (fille)
Sanh ngày, tháng, năm :	Ngày mười lăm tháng mười một năm một ngàn chín trăm năm mươi ba . (15-II-1953)
Sanh tại đâu : (Làng, huyện, tỉnh nào)	Phước Phú-Nhơn thành nội Huế
Tên, họ, tuổi, nghề-nghiệp, sanh-quán, chánh-quán và chỗ ở của người cha : (chỉ cha mẹ có giá-thứ hợp phép hay tuy không có giá-thứ hợp phép nhưng người cha khai nhận đứa mới sanh là con mình thời khoảng này mới phải kê khai).	Nguyễn-dinh-Nghi 30 tuổi trung- uý sanh chánh quán Pháp-Đô, Quảng trạch, Quảng-bình trú quán tại Phước Phú-Nhơn thành-nội Huế
Tên, họ, tuổi, nghề-nghiệp, sanh-quán, chánh-quán và chỗ ở của người mẹ : (nếu người khai không biết mẹ đứa con mới sanh là ai thời khoảng này để trống).	Lê-thị-Khuê 28 tuổi Nội trợ trợ sanh chánh quán tại Thủ-Hé, Quảng Điền Thừa-Thiên trú quán tại Phước Phú-Nhơn Thành-Nội Huế
Ngôi thứ của người mẹ : (nếu cha mẹ có giá-thứ hợp phép kê bên này : «vợ chánh, vợ kế hay vợ thứ»)	Vợ chánh
Tên, họ, tuổi, nghề-nghiệp, sanh-quán, chánh-quán và chỗ ở của người (hay những người) khai:	Lê-thị-Khuê 28 tuổi Nội trợ sanh Chánh-quán Thủ-Lê, Quảng-Điền , Thừa-Thiên trú quán tại Phước Phú-Nhơn Thành-Nội Huế

Lê chưa đề lược biên
 án tòa sửa giầy khai này
 lại hoặc đề biên các cước
 chú khác.

Tên, họ tuổi, nghề-nhiệp sanh quán, chánh-quán và chỗ ở người làm chứng thứ nhất :	Lê-huân-Dân 30 tuổi công-chức sanh chánh quán Thái-Lê Quảng-Diên Thôn-Thiên Trú quán tại Trung-Hậu Thành Nội Huế
Tên, họ, tuổi, nghề-nhiệp sanh quán, chánh quán và chỗ ở người làm chứng thứ nhì :	Chiêm-Tuan 27 tuổi Công-Chức sanh Chánh-Quán Gia-Miêu ,Ngoại-Trang Thanh-Hoá Trú quán Trung-Hậu Thành Nội HUẾ

Giấy khai này làm tại

PHÚ-NHÓN.

Ngày

Hai mươi tháng mười một năm một ngàn chín trăm năm m
 Người làm chứng thứ nhất, (1) Người làm chứng thứ hai, (1)

Người khai, (1)

Lê-thị-Anh

Lê-huân-Dân

Chiêm-Tuan

Ủy-viên Hộ-tịch (1)

PHỤNG TRÍCH LỤC

Ủy-viên Hộ-tịch

Khoản trống này để công nhận các chỗ sửa trong tờ khai này

PHẢI BIẾT : Chỗ trống không dùng phải kéo một nét mực.

(1) chỗ này Ủy-viên Hộ-tịch phải biên tên, họ người đi ký ở bản chánh trong sổ chứ không phải lấy chữ ký nữa.

copy

IDCARD

05704730

ĐỖ-THỊ - KIM-THUẬN
Full NAME //

1933
DATE OF BIRTH 12 - 11

FATHER

Đ. C. THỊ - H

MOTHER

Đ. T. B. P. N. N. N. G. P. N. N.

ADDRESS

Tân nhang 2 dưới khe
2cm mole under the mouth right angle
phai mieng./

55

43

Tân-Binh ngày 22-07- 70

TRƯỞNG-CHI CSQG.TÂN-BINH

NGUYỄN-NGỌC-THƠ

Tân nhang 2 dưới khe
Tân nhang 2 dưới khe
phai mieng /
phai mieng /

55
55

Tân-Binh 22-07-70
Tân-Binh 22-07-70
TRUONG-CHI CSQG.TAN-BINH
TRUONG-CHI CSQG.TAN-BINH

NGUYEN-NGOC-THU
NGUYEN-NGOC-THU

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM-ODP-

American Embassy

Box 58

APO San Francisco 96346

RE: IV 039093

NGUYEN DINH NGHI

Gentlemen:

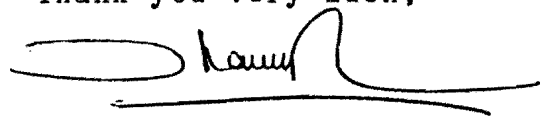
Herewith enclosed please find:

- The Worksheet in reference
- Affidavit of relationship on behalf of Nguyen Dinh Nghi and Nguyen Thi Hong Oanh.
- Birth Certificate of Nguyen Dinh Nghi
- " " " Nguyen Thi Hong Oanh

Please delete Nguyen Dinh Nghi from the above IV's Worksheet because his residence is different from 63/15 Nguyen Van Troi St. This was misstated by my confusion when petitioning and may cause difficulty for him to get the exit permit from the part of Vietnamese authorities.

It's therefore requested that another IV number be assigned to Nguyen Dinh Nghi and Nguyen Thi Hong Oanh in order to facilitate the exit permit procedure in VietNam

Thank you very much,



Nguyen Thi Thanh Minh

Harvey, LA 70058

Jan. 25, 1983

PS.-Enclosed below are :

- 4 I-134 to complete IV 039093
- 4 photographs " "
- 2 I-134 for new affidavit
- 2 photographs " "
(Nguyen dinh Nghi and
Nguyen thi Hong Oanh)
- 5 documents of Nguyen Dinh Nghi's
bio data.
- Id. card of DO THI KIM THOA

THE UNITED STATES ORDERLY DEPARTMENT OF P.A. WORKSHEET

 FILE NO. VPO
 DATE: 07/16/75
 PAGE NO. 410

WORKSHEET FOR FILE NUMBER IV 039093

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATES

Name: NGUYEN DINH NGHI

Other names used:

Sex: M DOB:(mddy) 01/01/24 COB: VN

Address in Vietnam:

 63/15 NGUYEN VAN TROI, P. 13, Q. PHU NHUAN,
 T.P. HO CHI MINH, VIET NAM

 I
 I Name: NGUYEN THI THANH MINH

I DOB:(mddy) / / COB:

I Address: [REDACTED]

I HARVEY, LA 70038

I Telephone (home): / / (business): / /

I Category: REF PRA USC

ACCOMPANYING RELATIVES

 FALCON Documentation
 MM DD YY BC ECT MC MCT GVN PHOTO

NAME	Sex	DOB	Rel.	COB
M/F	MM	DD	YY	PA
1. NGUYEN DINH NGHI	M	01	01	24 PA VN
2. DO THI KIM THOA	F	00	00	33 MI VN
3. NGUYEN DO KHAN	M	10	17	58 SO VN
4. DO DINH DUC	M	10	20	62 SO VA
5. DO THI THANH NGA	F	10	22	66 DA VN



#2



#3



#4



#5

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATES

Symbol: 11 Priority Date: 07/17/75 Rel Sponsor to PA: CA

VFWL #: SRV #: JWL:

USG Empl/Training (Cat 2): / / to / /

Pvt US Empl/Training (Cat 3-AC): / / to / /

GVN/RVNAF SVC: US Combat AND: ReEn Camp: / / to / /

CAT 1 PKT: 01-1/ FLUP: 01-1/ OTHER:

New address =

Metairie, LA 70001 REF: IV NO. _____

AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

YOUR NAME NGUYEN THI THANH MINH

DATE January 29, 1983

DATE OF BIRTH 11-28-56

US CITIZEN _____

PLACE OF BIRTH Saigon

PERMANENT RESIDENT ALIEN _____

ADDRESS IN U.S.A. _____

PAROLEE A21 482 773

Harvey, LA 70058

DATE OF ENTRY TO U.S. 7-17-75

List below the persons to be considered for admission to the United States. In the column MS (marital status) indicate whether married, divorced, widowed, or never married, with the letters M, D, W, or NM. For all married relatives that you list, include the names of their spouses and children.

Name (in natural order) Date of Birth Place of Birth Sex MS Relationship To You

1. NGUYEN DINH NGHI	1/1/24	Quang Binh	M	M	Father
2. NGUYEN THI HONG OANH	11/15/53	Hue	F	S	Half sister
3. DO THI KIM THOA	00/00/33	Hanoi	F		Mother
4. DO THI THANH NGA	10/22/66	Saigon	F		sister
5. DO DINH DUC	10/20/62	Saigon	M		Brother
6. NGUYEN DO NHAN	10/17/58	Saigon	M		Brother

7.

8.

9.

10.

11.

12.

13.

14.

15.

10/ Applicant: Nguyen Dinh Nghi

Present address(es) of these persons: 218/4A NGUYEN HUYNH DUC

PHU NHUAN TP HO CHI MINH

VIETNAM

Dependents: 20/ 63/15 Le Van Sy P13 Phu Nhuan, Ho Chi Minh City Vietnam

I swear that the above information is true. I understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

Signature of Applicant

Subscribed and sworn to before me

this 29 day of Feb, 19 83

Signature of Notary

My commission expires: at death

NOTE:

If you are a parolee or Permanent Resident Alien, please attach a copy of your I-94 (parolee) or I-151/I-551 (Permanent Resident Alien) Green card to the complete affidavit you return to us.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV# 039093

WEWL# _____

I-171 ___ Y ___ NO

EXIT VISA # _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN DINH NGHI
Last Middle First

Current Address: 218/44 Huynh van Bock P.H. Phu Nhuan

Date of Birth: 01-01-1924 Place of Birth: Quang Binh

Previous Occupation (before 1975) L. Colonel
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-15-75 To 01-09-1981
Years: 05 Months: 06 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: THANH MINH THI NGUYEN
Name
Melaine LA 70001
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

**GENERAL ASSOCIATION OF
FORMER POLITICAL PRISONERS OF VIETNAMESE COMMUNIST**

Tổng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị Cộng Sản Việt Nam

P.O.BOX 1953, GARDEN GROVE, CA 92642 - TEL

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM

Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị

(Two Copies)

IV. # 039093
VEWL. # _____
F171: _____ Y _____ N _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education Camp in Viet Nam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các Trại Cải Tạo ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chứng trình ra đi có trật tự.)

A. GENERAL BIOGRAPHY : (Photo if available)

Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name (Family name, middle, first) : NGUYEN - DINH - NGHI
(Họ và tên theo thủ tục Việt Nam)
2. Sex: Male DOB: Jan / 01 / 1924 Place of Birth: Quang-Trach (Quang-Binh)
(Phái) (Ngày sinh) (Nơi sinh)
3. Last position/Rank, Agency/Unit : Lieutenant-Colonel / 4-Party, and 2 Party JOINT-MI-
(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng) LITARY Commission-Zone 6-Mỹ-tho

B. ARREST

(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest: June 15, 1975 - GOVAP (Gia-dinh/ Saigon)
(Ngày nói trình diện/bị bắt giữ)
2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: Long-Giao, Suoi-Mau, Camps No 6, No 5, No 8
(Tên, địa điểm các trại giam) (Yen-Bay- N.VN)-Vinh-Quang (Vinh-Phu-NVN)
3. Date of release or still in camps: _____
(Ngày được thả hay còn bị giam) Released : Jan. 09, 1981

C. FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

Married , with 4 alive children : (Spouse: DO-thi KIM-THOA)

1. Married or single: _____
(Có gia đình hay độc thân)
 - Daughter : Nguyen thi Thanh-Minh (USA)
 - Son : Nguyen Do-Nhan (Vnam)
 - Son : Do-dinh-Duc (Vnam)
2. If married, please complete names of Spouse & Children _____
(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)
 - Daughter: Do-thi Thanh-Nga (Vnam)

3. Address of family: 218/4-A , Huynh-van-Banh , - P.11-PHU-NHUAN (HochiMinh City)
(Địa chỉ gia đình) or-63/15 , Le-van-Sy - P.13 - PHU-NHUAN (HochiMinh City)

D. APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: THANH MINH THI NGUYEN Occupation WAITRESSES
(Họ và tên) (Nghề nghiệp)
2. Address and phone number: METAIRIE LA 70001
(Địa chỉ và điện thoại)

TEL: _____

3. Relationship with detainee: DAUGHTER
(Liên hệ với tù nhân cải tạo)
4. Status in U.S.A : _____
(Tình trạng cư trú)
 - Permanent Resident ☒
 - U.S. Citizen ☒
5. Are you willing to sponsor the above detainee (if released)
(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đường sự không ?)
 - Yes ☒ No ☐

Date: 12-18-89
(Ngày, tháng, năm)

Thanh Minh Thi Nguyen
Signature of Applicant
(Chữ ký của người đứng đơn)
(Certificate of Release)

**GENERAL ASSOCIATION OF
FORMER POLITICAL PRISONERS OF VIETNAMESE COMMUNIST**

Tổng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị Cộng Sản Việt Nam

P.O. BOX 1953, GARDEN GROVE, CA 92642 - TEL:

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM

Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị

(Two Copies)

IV. # 234093
VEWL. # _____
F171: _____ Y _____ N _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education Camp in Viet Nam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các Trại Cải Tạo ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chứng trình ra đi có trật tự.)

A. GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name (Family name, middle, first): NGUYEN - DINH - NGHI
(Họ và tên theo thủ tự Việt Nam)
2. Sex: Male DOB: Jan / 01 / 1924 Place of Birth: Quang-Trach (Quang-Binh)
(Phái) (Ngày sinh) (Nơi sinh)
3. Last position/Rank, Agency/Unit: Lieutenant-Colonel / 4-Party, and 2 Party JOINT-MI-
(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng) LITARY Commission-Zone 6-My-tho)

B. ARREST

(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest: June 15, 1975 - GOVAP (Gia-dinh/ Saigon)
(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)
2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: Long-Giao, Suoi-Mau, Camps No 6, No 5, No 8
(Tên, địa điểm các trại giam) (Yen-Bay- N.VN)-Vinh-Quang (Vinh-Phu-NVN)
3. Date of release or still in camps: _____
(Ngày được thả hay còn bị giam) Released: Jan. 09, 1981

C. FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

Married, with 4 alive children: (Spouse: DO-thi KIM-THOA)

1. Married or single: _____
(Có gia đình hay độc thân) - Daughter: Nguyen thi Thanh-Minh (USA)
- Son: Nguyen Do-van (Vna)
- Son: Do-dinh-Duc (Vna)
2. If married, please complete names of Spouse & Children _____
(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con) - Daughter: Do-thi Thanh-Nga (Vna)

3. Address of family: 218/4-A, Huynh-van-Banh, - P.11-PHU-NHUAN (Hochiminh Cit
(Địa chỉ gia đình) or-63/15, Le-van-Sy - P.13 - PHU-NHUAN (Hochiminh City)

D. APPLICANT:

(Người đứng đơn)

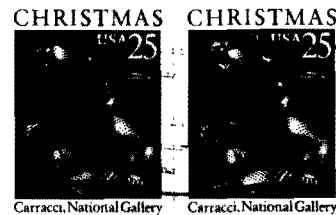
1. Name: THANH MINH THI NGUYEN Occupation: WAITRESSES
(Họ và tên) (Nghề nghiệp)
2. Address and phone number: METALF LA 70001
(Địa chỉ và điện thoại) TEL

3. Relationship with detainee: DAUGHTER
(Liên hệ với tù nhân cải tạo)
4. Status in U.S.A: _____
(Tình trạng cư trú) Permanent Resident ☒ U.S. Citizen ☒
5. Are you willing to sponsor the above detainee (if released)
(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đường sự không?) Yes ☒ No ☐

Date: 12-18-89
(Ngày, tháng, năm)

Thanh Minh Thi Nguyen
Signature of Applicant
(Chữ ký của người đứng đơn)
(Certificate of Release)

FROM: THANH MINH THI NGUYEN



METairie LA 70001

U.S.A

DEC 27 1989

TO: KHUC MINH THO

PRESIDENT FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O BOX 5435 ARLINGTON

VA 22205-0635

U.S.A

C O N T R O L

____ Card
____ ✓ Doc. Request; Form 1/9/90
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

BAO DINH DO

MILPITAS, CA 95035

Is your **RETURN ADDRESS**
completed on the reverse side?

Fold at line over top of envelope to the right
of the return address.

CERTIFIED

P 478 502 685

MAIL

Families of Vietnamese Political
Prisoners Association
P.O. Box 5435
Arlington, VA 22205-0635

Thank you for using
Return Receipt Service.

**RETURN RECEIPT
REQUESTED**

Not
4/89
4/24/90
5/4/90

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
____ Membership; letter 5/30/90